

ĐAI ỐC SÁU CẠNH
(Thô)
Kích thước

TCVN
1896 - 76

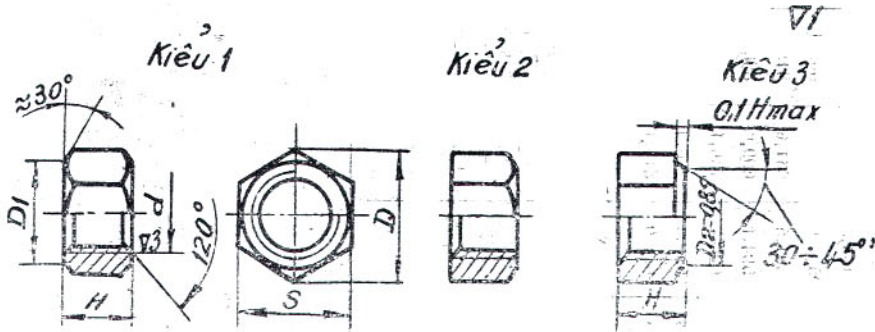
Гайки шестигранные
(Грубой точности)
Размеры

Hexagon nuts
(rough precision)
Dimensions

Có hiệu lực
từ 1-1-1979

TCVN 1896 - 76 được ban hành để thay thế cho TCVN 102 - 63.

1. Kết cấu và kích thước của đai ốc cần phải theo những chỉ dẫn ở hình vẽ và bảng.



$$D_1 = (0,8 \pm 0,05) S$$

5526-10

mm

Đường kính danh nghĩa của ren d	20	(22)	24	(27)	30	36	42	48
Bước ren	2,5	2,5	3	3	3,5	4	4,5	5
S (sai lệch giới hạn theo B9)	30	32	36	41	46	55	65	75
D, không nhỏ hơn	32,4	34,4	38,8	44,4	50,0	59,7	70,8	81,9
H (sai lệch giới hạn theo DX10)	16	18	19	22	24	29	34	38
Độ lệch trục của lỗ so với các cạnh	0,85	1,00			1,20			

Chú thích. Không nên dùng những bulông cỡ kích thước trong dấu ngoặc

Ví dụ ký hiệu quy ước của đai ốc kiểu 1, đường kính ren $d = 24 \text{ mm}$, cấp bền 5:

Đai ốc M24.5 TCVN 1896 - 76

Tương tự cho đai ốc kiểu 2, cấp bền 4:

Đai ốc 2M24.4 TCVN 1896 - 76

2. Ren theo TCVN 2248 - 77, miễn đúng sai 7H theo TCVN 1917 - 76

3. Yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 1916 - 76

Cơ tính của đai ốc phải tương ứng với cấp bền 4 và 5.

Đai ốc được cung cấp không được có lớp phủ

Ở đai ốc kiểu 3 cho phép có vết lõm, móp, những vết này không làm giảm chiều cao của gờ quá 3 mm.

3. Khối lượng của đai ốc cho trong phụ lục.

Khối lượng của đai ốc thép (kiểu 1)

Đường kính danh nghĩa của ren α , mm	Khối lượng 1000 chiếc đai ốc, kg
20	62,60
22	76,77
24	107,00
27	161,40
30	224,50
36	376,85
42	623,90
48	956,20